

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 2409 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 13 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Đồng Nai năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh rà soát, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2022 TT-VP ngày 13 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 167 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Đồng Nai năm 2022 (*Phụ lục danh mục và nội dung đính kèm*).

Điều 2. Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan đến các lĩnh vực kiến nghị đơn giản hóa nêu tại Điều 1 của Quyết định này, có trách nhiệm:

1. Đối với các nội dung đề xuất giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Giao Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành khẩn trương rà soát, tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh nội dung theo hướng giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đề xuất của các đơn vị, địa phương.

2. Đối với các nội dung đề xuất khác: Tham mưu UBND tỉnh dự thảo văn bản thực thi các phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính theo nội dung kiến nghị sau khi các quy phạm pháp luật tương ứng được điều chỉnh hoặc ban hành mới phù hợp.

Điều 3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực thi Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính của tỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Xây dựng; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công Thương; Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, KTNS, THNC, HCTC, HCC.

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



Phụ lục I
DANH MỤC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2409 /QĐ-UBND ngày 13/9/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		A.		
I.	SỐ TỰ PHÁP (28 TTHC; tỷ lệ: 21,53%)	1.	CẤP TỈNH	
			Lĩnh vực Công chứng	
		1.001756	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000100	Bổ nhiệm lại Công chứng viên	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000789	Đăng ký hoạt động văn phòng công chứng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000778	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000766	Đăng ký hoạt động văn phòng công chứng hợp nhất	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000758	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng nhận sắp nhập	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000743	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực Luật sư	
		1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		3.	Lĩnh vực Trọng tài thương mại	
		1.001511	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		4.	Lĩnh vực đấu giá tài sản	
		2.001386	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		5.	Lĩnh vực Giám định Tư pháp	
		2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		6.	Lĩnh vực quốc tịch	
		2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		7.	Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề Quản lý, thanh lý tài sản	
		1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		8. 2.000587	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý Cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	Giảm thời gian giải quyết TTHC
				Giảm thời gian giải quyết TTHC
				Giảm thời gian giải quyết TTHC
		B. 1.	CẤP HUYỆN Lĩnh vực hộ tịch	
		2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở	
		2.000979	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		C.	CẤP XÃ	
		1.	Lĩnh vực hộ tịch	
		1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.004884	Đăng ký lại khai sinh	Giảm thành phần hồ sơ
		2.	Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở	
		2.000930	Thời làm hòa giải viên	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		2.002080	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Giảm thời gian giải quyết TTHC
II.	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (04 TTHC; tỷ lệ: 10,25%)	A.	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực Báo chí	
		1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực xuất bản, in, phát hành	
		2.001728	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	Giảm thành phần hồ sơ
		B.	CẤP HUYỆN	
		1.	Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành	
		2.001931	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		2.001762	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Bãi bỏ thủ tục hành chính
III.	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (15 TTHC; tỷ lệ: 14,58%)	A.	CẤP TỈNH	
		1.	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
		1.004152	Cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước với lưu lượng nước dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.004140	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm	Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		1.004228	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Giảm thành phần hồ sơ
		1.004223	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Giảm thành phần hồ sơ
		1.004211	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Giảm thành phần hồ sơ
		1.004179	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ /ngày đêm	Giảm thành phần hồ sơ
		1.004167	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm	Giảm thành phần hồ sơ
		1.004122	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Giảm thành phần hồ sơ
		2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Giảm thành phần hồ sơ
		2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		2.	Lĩnh vực Môi trường	
		1.004246	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh)	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.004621	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (TTHC cấp tỉnh)	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
IV.	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (08 TTHC; tỷ lệ: 19,5%)	A.	CẤP TỈNH	
		1.006427	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết TTHC và Giảm thành phần hồ sơ
		1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết TTHC và Giảm thành phần hồ sơ
		1.001770	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
V.	SỞ CÔNG THƯƠNG (04 TTHC; tỷ lệ: 3,45%)			và Giám thành phần hồ sơ
		1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thời gian giải quyết TTHC và Giám thành phần hồ sơ
		1.001677	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thành phần hồ sơ
		1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Giảm thành phần hồ sơ
		A.	CẤP TỈNH	
VI.	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Giảm thời gian giải quyết TTHC và Đơn giản hóa biểu mẫu hồ sơ
		B.	CẤP HUYỆN	
		2.000181	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Giảm thành phần hồ sơ
		2.001283	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Đơn giản hóa biểu mẫu hồ sơ
VI.	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN	A.	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực Chăn nuôi	
		1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
	NÔNG THÔN (11 TTHC; tỷ lệ: 10,9%)	2.	Lĩnh vực khoa học, công nghệ, môi trường và khuyến nông	
		1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		3.	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
		2.001819	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		4.	Lĩnh vực Thủy lợi	
		2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		5.	Lĩnh vực Thủy sản	
		1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính để xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	Giảm thành phần hồ sơ
		6.	Lĩnh vực Lâm nghiệp	
		1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
VII.	SỔ TÀI CHÍNH (01 TTHC; tỷ lệ: 4,2%)	A	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực quản lý công sản	
		1.005434	Mua quyền hóa đơn	Giảm thời gian giải quyết TTHC
VIII.	SỔ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (13 TTHC; tỷ lệ: 10,15%)	A.	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	
		1.000234	Giải thẻ trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
		1.001806	Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bãi bỏ thủ tục hành chính

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		1.001310	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.001305	Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		3.	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	
		2.000025	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000027	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000032	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000036	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		4.	Lĩnh vực Chính sách lao động	
		1.001881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		5.	Lĩnh vực Lao động- Tiền lương và Quan hệ lao động	

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		2.001949	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)	Bãi bỏ thủ tục hành chính
IX.	SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (11 TTHC; tỷ lệ: 9,8%)	A.	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực Thành lập và Hoạt động của doanh nghiệp	
		1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.002023	Giải thể doanh nghiệp (<i>Chỉ áp dụng với thủ tục Thông báo quyết định giải thể</i>)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>Chỉ áp dụng với thủ tục Chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh</i>)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực Đầu tư bằng vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức	
		2.002333	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
X.	SỞ XÂY DỰNG (6 TTHC; tỷ lệ: 11,54%)		Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hồ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
			Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hồ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		3.	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam	
		1.009729	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.009661	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		A.	CẤP TỈNH	
		1.	Nhóm thủ tục đề xuất Giảm thành phần hồ sơ, giảm thời gian giải quyết	
		1.010968	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	Giảm thành phần hồ sơ
		2.001116	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.002515	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	Bãi bỏ thủ tục hành chính

XIII

Sst	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
XI.	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (13 TTHC; tỷ lệ: 10,3%)	1.002621	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.009972	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.009973	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		A.	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực văn hoá	
		1.003901	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.003608	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.008897	Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực thể thao	
		1.005162	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001500	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001801	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000842	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		2.002188	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000594	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000501	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000485	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		3.	Lĩnh vực gia đình	
		1.000454	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000433	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		A.	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	
		1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	Giảm thời gian giải quyết TTHC và Giảm thành phần hồ sơ
XII.	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (21 TTHC; tỷ lệ: 29,2%)	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông khác có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giảm thời gian giải quyết TTHC và Giảm thành phần hồ sơ

Sst	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính để xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		1.005070	Sắp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.006389	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.005025	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động trở lại	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.005043	Sắp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.005195	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.005195	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.001985	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000181	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001000	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.005082	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.001985	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.005354	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
				và Giám thành phần hồ sơ
		B.	CẤP HUYỆN	
		1.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	
		2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Giảm thành phần hồ sơ
		1.0044444	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.0044475	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.001818	Giải thể trường trung học cơ sở	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		A	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh	
XIII.	SỞ Y TẾ <i>(10 TTHC; tỷ lệ: 5,85%)</i>	1.001086	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.003709	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Giảm thành phần hồ sơ
			Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Giảm thành phần hồ sơ
		1.003824		

Sst	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		2.	Lĩnh vực Được phẩm	
		1.004557	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		1.001893	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Bãi bỏ thủ tục hành chính
		3.	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng	
		1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		4.	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ	
		1.001523	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giảm thành phần hồ sơ
		5.	Lĩnh vực Y tế dự phòng	
		1.003481	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng	Đơn giản hóa biểu mẫu hồ sơ
		2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Đơn giản hóa biểu mẫu hồ sơ
XIV.	SỞ NỘI VỤ (16 TTHC; tỷ lệ: 24,67%)	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Giảm thành phần hồ sơ
		A.	CẤP TỈNH	
		1.	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	
		1.001832	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001818	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		2.000456	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001604	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001589	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		B.	CẤP HUYỆN	
		1.	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước chuyên ngành	
		1.003841	Công nhận Ban Vận động thành lập Hội	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước về Hội	
		2.002100	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		3.	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng	
		1.000804	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		4.	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	
		1.001199	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001204	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.001212	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		C.	CẤP XÃ	
		1.000775	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000346	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.000337	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.000748	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	Giảm thời gian giải quyết TTHC
XV.	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI (02 TTHC; tỷ lệ: 3,8%)	2.000305	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.	Lĩnh vực Việc làm	
		1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		2.	Lĩnh vực Đầu tư	
		1.009772	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Giảm thời gian giải quyết TTHC
XVI.	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (04 TTHC; tỷ lệ: 4,1%)	A.	CẤP TỈNH	
		1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Đơn vị đề xuất	Mã số TTHC	Tên Quy định hành chính/ Thủ tục hành chính đề xuất đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Giảm thành phần hồ sơ
		1.009448	Thiết lập khu neo đậu	Giảm thành phần hồ sơ
* Tổng số phương án đề xuất của tỉnh: 167 TTHC/1813 TTHC (đạt tỷ lệ 9,21%). Tổng số TTHC đã loại trừ các đơn vị không thuộc danh sách xếp hạng đánh giá Chỉ số CCHC.				

Phụ lục II**NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2409 /QĐ-UBND ngày 13 /9/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

I. SỞ TƯ PHÁP**A. CẤP TỈNH****I. Lĩnh vực Công chứng****1. Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên****1.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (05 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

2. Bổ nhiệm lại Công chứng viên**2.1. Nội dung đơn giản hóa:**

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày xuống 30 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Luật công chứng.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40 ngày công x 250.000đ = 10.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000đ (10 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

3. Đăng ký hoạt động văn phòng công chứng

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 của Luật công chứng.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

4. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

5. Đăng ký hoạt động văn phòng công chứng hợp nhất

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

6. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng nhận sáp nhập

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

7. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng được chuyển nhượng

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

7.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

II. Lĩnh vực Luật sư

8. Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

8.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 79 của Luật Luật sư.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

9. Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

9.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ tại Khoản 2 Điều 41 của Luật Luật sư.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.000.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

10. Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

10.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ tại Khoản 20 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

III. Lĩnh vực Trọng tài thương mại

11. Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

11.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 08 của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đ (03 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

12. Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

12.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

IV. Lĩnh vực đấu giá

13. Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

13.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết theo quy định tại Điều 25 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

V. Lĩnh vực Giám định Tư pháp

14. Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp

14.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 45 ngày xuống 40 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

14.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Giám định tư pháp 2012.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45 ngày công x 250.000đ = 11.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40 ngày công x 250.000đ = 10.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.1%.

15. Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp

15.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 45 ngày xuống 40 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

15.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45 ngày công x 250.000đ = 11.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40 ngày công x 250.000đ = 10.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.1%.

VI. Lĩnh vực Quốc tịch

16. Nhập quốc tịch Việt Nam

16.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 135 ngày xuống 120 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

16.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Luật quốc tịch Việt Nam.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 135 ngày công x 250.000đ = 33.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120 ngày công x 250.000đ = 30.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.750.000đ (15 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.1%.

17. Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

17.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 135 ngày xuống 120 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

17.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 29 Luật quốc tịch Việt Nam.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 135 ngày công x 250.000đ = 33.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 120 ngày công x 250.000đ = 30.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.750.000đ (15 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.1%.

VII. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề Quản lý, thanh lý tài sản

18. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

18.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

18.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

VIII. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý

19. Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

19.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

19.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 16 của Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đ (02 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

20. Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý

20.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

20.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 19 của Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đ (02 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

B. CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực hộ tịch

21. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài

21.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

21.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Hộ tịch năm 2014.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

22. Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

22.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 12 ngày xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

22.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật Hộ tịch năm 2014.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.7%.

23. Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

23.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 12 ngày xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

23.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều 50 Luật Hộ tịch năm 2014.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.7%.

II. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở

24. Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải

24.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 11 ngày xuống 08 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

24.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 18 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hoà giải ở cơ sở.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11 ngày công x 250.000đ = 2.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 08 ngày công x 250.000đ = 2.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27.7%.

C. CẤP XÃ

I. Lĩnh vực hộ tịch

25. Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

25.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày xuống 01 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

25.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 03 ngày công x 250.000đ = 750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công x 250.000đ = 500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66.66%.

26. Đăng ký lại khai sinh

26.1. Nội dung đơn giản hóa: Văn bản xác nhận không còn lưu sổ Hộ tịch (đối với trường hợp đăng ký khai sinh trước năm 1975) không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc mà người dân phải nộp.

- Lý do: Sổ Hộ tịch hiện nay tại các địa phương, cả Sở Tư pháp tỉnh đã có văn bản xác nhận không còn lưu sổ bộ trước năm 1975 (vì hầu hết các địa phương đều nhận được các thông báo chung trong trường hợp lưu sổ). Vì vậy, việc yêu cầu người dân nộp văn bản xác nhận không còn sổ Hộ tịch trước năm 1975 là không cần thiết, cơ quan đăng ký hộ tịch phải tự cập nhật nội dung này vào thành phần hồ sơ.

26.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện TTHC.

II. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở

27. Thôi làm hòa giải viên

27.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

27.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 04 ngày công x 250.000đ = 1.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 250.000đ (01 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

28. Thanh toán thù lao cho hòa giải viên

28.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 04 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian chi phí đi lại trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

28.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định Khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hoà giải ở cơ sở.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 04 ngày công x 250.000đ = 1.000.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 250.000đ (01 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

II. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Báo chí

1. Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết như sau: từ 15 ngày xuống còn 13 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính, Sở nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản gồm: tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin; mẫu trình bày tên gọi của bản tin và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài). Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại khoản 2, Điều 18, thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ/ngày = 3.750.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày công x 250.000đ/ngày = 3.250.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,3%

II. Lĩnh vực xuất bản, in, phát hành

2. Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: Hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính, Sở nhận thấy việc cung cấp hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy cho đơn vị cấp phép là không cần thiết, vì những giấy tờ này chỉ cần thiết cho doanh nghiệp trong thực hiện việc mua bán, thanh toán.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ bỏ thành phần hồ sơ “hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy” của thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại tiết b, điểm 13, khoản 17, Điều 1, Nghị định 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ;

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu bỏ thành phần hồ sơ “hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê máy” của thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 10, Thông tư 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ cho các cơ quan, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

+ Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm giấy tờ, thời gian thực hiện thủ tục

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 01 thành phần hồ sơ.

B. CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành

3. Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị bãi bỏ việc “khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” ra khỏi bộ thủ tục hành chính.

- Lý do: hoạt động “khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” chỉ là việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết để quản lý; hồ sơ chỉ gồm tờ khai đăng ký, không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính (có hồ sơ “đầu vào” nhưng không có kết quả “đầu ra”).

3.2. Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ bãi bỏ thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại khoản 1, 2 Điều 25 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2018 của Chính phủ

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC: Bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp

4. Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

4.1. Nội dung đơn giản hóa: đề nghị bãi bỏ việc “thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” ra khỏi bộ thủ tục hành chính.

- Lý do: hoạt động “thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy” chỉ là việc thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết để quản lý; hồ sơ chỉ gồm tờ khai đăng ký, không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính (có hồ sơ “đầu vào” nhưng không có kết quả “đầu ra”).

4.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ bãi bỏ thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2018 của Chính phủ

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC: Bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

III. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực tài nguyên nước

1. Nhóm 02 thủ tục hành chính, bao gồm: Thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác

1.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Nội dung đơn giản hoá: Bãi bỏ thủ tục hành chính

- Lý do: Điểm g khoản 1 Điều 167 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ có quy định “bãi bỏ quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Điều 35 và Điều 36” Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét bãi bỏ nhóm 02 TTHC này tại Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 về việc công bố TTHC (TTHC) được sửa đổi và TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

2. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với các công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm

2.1. Nội dung đơn giản hoá: Giảm thành phần hồ sơ: Giảm số lượng hồ sơ nộp từ 02 bộ còn 01 bộ hồ sơ.

- Lý do: Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a, Khoản 1 Điều 35 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:

Chi phí để in ấn 01 bộ hồ sơ (gồm 60 trang A4 và 03 trang A3⁽¹⁾) = 198.000 đồng. Tổng chi phí in ấn 02 bộ hồ sơ = 396.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 8.040.000 đồng.

+ Tổng cộng năm 2021: 8.040.000 đồng/1 hồ sơ x 9 (hồ sơ phát sinh năm 2021)⁽²⁾ = 72.360.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 7.842.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2021: 70.758.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 198.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 1.782.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,5%

3. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm

3.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thành phần hồ sơ:

+ Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy phép đã được cấp

+ Giảm số lượng hồ sơ nộp từ 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ.

- Lý do:

+ Trong đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã có cơ sở dữ liệu để lưu trữ giấy phép này. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

+ Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường

¹ Đơn giá photo trang giấy A4 tính theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018

² Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://motcua.dongnai.gov.vn/>

³ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 4,205 triệu đồng (theo số liệu Thông báo báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư 2021 của Tổng cục Thống kê công bố vào ngày 28/6/2022 trên Trang thông tin điện tử: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022>

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c Khoản 2 Điều 30 và điểm a Khoản 1 Điều 36 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 6.558.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2021: 6.558.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 6.324.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2021: 6.324.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 234.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 234.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.6%

4. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm

4.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thành phần hồ sơ từ nộp 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ.
- Lý do: Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a Khoản 1 Điều 35 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 7.914.000 đồng/1 hồ sơ
- + Tổng cộng năm 2021: 577.722.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 7.779.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2021: 567.867.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 135.000 đồng/1 hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 9.855.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1.7%

5. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm

5.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thành phần hồ sơ:

+ Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy phép đã được cấp

+ Giảm số lượng từ nộp 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ.

- Lý do:

+ Trong đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã có cơ sở dữ liệu để lưu trữ giấy phép này. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.

+ Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm d Khoản 2 Điều 31 và Điểm a Khoản 1 Điều 36 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 6.558.000 đồng

+ Tổng cộng năm 2021: 478.734.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 6.324.000 đồng

+ Tổng cộng năm 2021: 461.652.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 234.000 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 17.082.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.6%.

6. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m³/ ngày đêm

6.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thành phần hồ sơ từ nộp 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ.

- Lý do: Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a Khoản 1 Điều 35 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 8.184.000 đồng.
- + Tổng cộng năm 2021: 81.8400.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 7.914.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2021: 79.140.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 270.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 2.700.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,3%.

7. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m³/ ngày đêm

7.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thành phần hồ sơ:
- + Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy phép đã được cấp
- + Giảm số lượng hồ sơ từ nộp 02 bộ hồ sơ còn 01 bộ hồ sơ.
- Lý do:
- + Trong đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã có cơ sở dữ liệu để lưu trữ giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.
- + Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm d Khoản 2 Điều 32 và Điểm a Khoản 1 Điều 36 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 6.684.000 đồng
- + Tổng cộng năm 2021: 33.420.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 6.414.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Tổng cộng năm 2021: 32.070.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 270.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 1.350.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%.

8. Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

8.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Lý do: Đơn đề nghị cấp giấy phép đã có thông tin về doanh nghiệp; cơ quan thẩm định khai thác thông tin về doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu, lưu trữ tài liệu.

8.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 7.702.000 đồng
- + Tổng cộng năm 2021: 61.616.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:
- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 7.596.000 đồng
- + Tổng cộng năm 2021: 60.768.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 108.000 đồng.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 848.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,4%

9. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

9.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao giấy phép đã được cấp.
- Lý do: Trong đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường đã có cơ sở dữ liệu để lưu trữ giấy phép này. Do đó không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này, giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu; lưu trữ tài liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

9.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:
 - + Chi phí hiện tại/1 hồ sơ: 6.148.000 đồng
 - + Tổng cộng năm 2021: 49.184.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:
 - + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 6.096.000 đồng.
 - + Tổng cộng năm 2021: 48.768.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 52.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Chi phí tiết kiệm trong năm 2021: 416.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0.8%.

10. Thảm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi

10.1. Nội dung đơn giản hoá: Đơn giản hoá thời gian kiểm tra tính hợp lệ của Phương án từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b Khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 1.910.000 hồ sơ/01 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá: 1.337.000/01 hồ sơ/01 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm
- + Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 573.000 đồng
- + Chi phí tiết kiệm năm 2021: 573.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

II. Lĩnh vực Môi trường

11. Nhóm 02 TTHC, bao gồm: Thủ tục Cấp, cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại

11.1. Nội dung đơn giản hoá: Bãi bỏ thủ tục hành chính

- Lý do: Ngày 17/11/2020, Quốc hội đã ban hành Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14. Sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, quy định trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại, khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường hoặc nội dung đăng ký môi trường; quy định bãi bỏ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

11.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét bãi bỏ nhóm 02 TTHC này tại Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố danh mục, nội dung TTHC được chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ tài nguyên và Môi trường.

12. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

12.1. Nội dung đơn giản hoá: Giảm 01 ngày, giảm thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường từ 30 ngày làm việc còn 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

12.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 6 Điều 34 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá
- + Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 5.730.000 đồng
- + Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 5.730.000 đồng x 160 (hồ sơ phát sinh năm 2021) = 916.800.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá
- + Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 5.539.000 đồng

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 5.539.000 đồng x 160 (hồ sơ phát sinh năm 2021)
= 886.240.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm

+ Chi phí tiết kiệm / 01 hồ sơ: 191.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 30.560.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.3%.

13. Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

13.1. Nội dung đơn giản hoá: Giảm 01 ngày, giảm thời gian thẩm định hồ sơ 30 ngày làm việc còn 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

13.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 5.730.000 đồng

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 5.730.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 5.539.000 đồng

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 5.539.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm

+ Chi phí tiết kiệm / 01 hồ sơ: 191.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 191.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.3%.

IV. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

1. Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 45 ngày làm việc" xuống còn 30 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 9 Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.250.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.750.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

2. Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 45 ngày làm việc" xuống còn 30 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 9 Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.250.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.750.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 15 ngày làm việc" xuống còn 10 ngày làm việc.

- Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

- Lý do:

+ Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện TTHC.

+ Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

3.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.381.628 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 500.078 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

4. Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 10 ngày làm việc" xuống còn 07 ngày làm việc.

- Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

- Lý do:

+ Nhằm rút ngắn thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện TTHC.

+ Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

4.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 10 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.763.412 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.881.784 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 881.628 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 10 ngày làm việc" xuống còn 07 ngày làm việc.

- Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

- Lý do:

+ Cắt giảm thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

+ Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

5.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 10 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi

hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.381.628 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 500.078 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

6. Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Kiến nghị giảm thời gian giải quyết từ "Không quá 15 ngày làm việc" xuống còn 10 ngày làm việc.

- Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

- Lý do:

- + Cắt giảm thời gian giải quyết cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.
- + Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ.

6.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.381.628 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 500.078 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

7. Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bỏ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

- Lý do: Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ

7.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.750.578 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 131.628 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7%.

8. Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ là Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động

của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN).

- Bổ các thông tin về ngày sinh, giới tính, địa chỉ thường trú và bổ sung số định danh cá nhân quy định tại Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

- Lý do: Có sự chồng chéo, mâu thuẫn với quy định tại mục II.3 Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ

8.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; Sửa đổi, bổ sung Đơn đề nghị làm việc chính thức (Mẫu 9), Đơn đề nghị làm việc kiêm nhiệm (Mẫu 10) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.881.706 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.750.578 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 131.628 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7%.

V. SỞ CÔNG THƯƠNG

A. CẤP TỈNH

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

1.1. Nội dung đơn giản

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ hai mươi lăm (25) ngày xuống mười ba (13) ngày đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, thuận lợi, giảm chi phí và thời gian thực hiện.

1.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị UBND tỉnh đề xuất trình Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ điều chỉnh, sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục trên được quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương thời gian giải quyết thủ tục là 13 ngày làm việc.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 342.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2021) x 25 ngày (thời gian quy định) = 8.550.000 đồng.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 8.550.000 đồng x 16 (hồ sơ phát sinh năm 2021) = 136.800.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 342.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2021) x 13 ngày (thời gian quy định) = 4.446.000 đồng.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 4.446.000 đồng x 16 (hồ sơ phát sinh năm 2021) = 71.136.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: (136.800.000 đồng – 71.136.000 đồng)/16 hồ sơ = 4.104.000 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 4.104.000 đồng x 16 hồ sơ = 65.664.000 đồng.

2. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Căn cứ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về Kinh doanh xăng dầu, thời hạn cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu là ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, thuận lợi, giảm chi phí thực hiện; Sở Công Thương đã đề xuất giảm thời gian giải quyết theo quy định từ ba mươi (30) ngày làm việc xuống còn mười (10) ngày làm việc.

2.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Công Thương có hướng dẫn cụ thể về nội dung “xem xét, thẩm định và cấp Giấy xác nhận” tại các thủ tục liên quan hoạt động kinh doanh xăng dầu do Sở Công Thương phụ trách được quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP (Tổng Đại lý, Đại lý, Cửa hàng bán lẻ...) là “thẩm định qua hồ sơ giấy” hay “thẩm định thực tế”. Đối với thẩm định thực tế, kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể về mẫu Biên bản kiểm tra thực tế, nhằm đảm bảo tính thống nhất trong công tác kiểm tra thực tế trên toàn quốc.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 342.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2021) x 30 ngày (thời gian quy định) = 10.260.000 đồng.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 10.260.000 đồng x 03 (hồ sơ phát sinh năm 2021) = 30.780.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 342.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2021) x 10 ngày (thời gian quy định) = 3.420.000 đồng.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2021: 3.420.000 đồng x 03 (hồ sơ phát sinh năm 2021) = 10.260.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: (30.780.000 đồng – 10.260.000 đồng)/03 hồ sơ = 6.840.000 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 6.840.000 đồng x 03 hồ sơ = 20.520.000 đồng.

B. CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước

3. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ về “Bản sao Giấy chứng nhận Mã số thuế” trong thành phần hồ sơ về thực hiện hồ sơ cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Lý do:

+ Hộ kinh doanh thuận tiện khi nộp hồ sơ thủ tục hành chính, không tốn thời gian, chi phí đi lại khi công chứng bản sao hoặc phải làm lại giấy chứng nhận mã số thuế do thất lạc hồ sơ, đồng thời “Giấy chứng nhận Mã số thuế” không liên quan đến điều kiện cấp phép.

+ Việc bỏ thành phần hồ sơ: “01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ” sẽ góp phần giảm thành phần, số lượng hồ sơ phải nộp của hộ kinh doanh; Giảm thời gian, chi phí và tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 4.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

II. Lĩnh vực kinh doanh khí

4. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ: Căn quy định cụ thể thành phần hồ sơ “Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy” gồm những giấy tờ gì, để công khai, minh bạch cho người dân biết khi thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính.

- Lý do:

+ Chưa có quy định cụ thể thành phần hồ sơ “Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy”; Do đó, hiện nay các địa phương đang thực hiện theo quy định hướng dẫn của cấp Sở (gồm nhiều thành phần hồ sơ, thủ tục phức tạp), trong khi đó “Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai” đang thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4, nhiều người dân không hiểu hoặc hiểu không đúng “Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy” gồm những giấy tờ gì, dẫn đến tình trạng nhiều người dân phản ánh, kiến nghị về thủ tục này do phải đi lại nhiều lần để bổ sung, hồ sơ bị chậm trễ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

+ Việc bỏ thành phần hồ sơ: “01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ” sẽ góp phần giảm thành phần, số lượng hồ sơ phải nộp của hộ kinh doanh.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 39 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 36.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 20.000.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 55,5%.

VI. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Chăn nuôi

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: giảm 01 ngày làm việc từ 28 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020 xuống còn 27 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời gian giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 28 ngày (thời gian quy định) = 6.216.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 27 ngày = 5.994.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $6.216.000 - 5.994.000 = 222.000$ đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000×5 hồ sơ = 1.110.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 4%

II. Lĩnh vực khoa học, công nghệ, môi trường và khuyến nông

2. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: giảm 02 ngày làm việc từ 60 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 2159/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 xuống còn 58 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 02 ngày làm việc đối với thủ tục phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương theo Quyết định số 2159/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 02 ngày làm việc đối với thủ tục phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 60 ngày (thời gian quy định) = 13.320.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 58 ngày = 12.876.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 13.320.000 - 12.876.000 = 444.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 3%.

3. Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: giảm 01 ngày làm việc từ 18 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2019 xuống còn 17 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 18 ngày (thời gian quy định) = 3.996.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân;

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 17 ngày = 3.774.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.996.000 - 3.774.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 6%.

4. Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: giảm 01 ngày làm việc từ 18 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2019 xuống còn 17 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 18 ngày (thời gian quy định) = 3.996.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 17 ngày = 3.774.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.996.000 - 3.774.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 6%

III. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

5. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 5 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 xuống còn 4 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP) theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP) theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.110.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân;

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 4 ngày = 888.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 1.110.000 - 888.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%

IV. Lĩnh vực Thủy lợi

6. Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 30 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 xuống còn 29 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh theo Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 30 ngày (thời gian quy định) = 6.660.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 29 ngày = 6.438.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 6.660.000 - 6.438.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 3%.

7. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 20 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 xuống còn 19 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

7.2. Kiến nghị thực thi:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 20 ngày (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 19 ngày = 4.218.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 4.440.000 - 4.218.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 3%.

V. Lĩnh vực Thủy sản

8. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu).

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản” tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

- Lý do: Hiện nay phần lớn cơ sở không có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu

vực biển để nuôi trồng thủy sản”, do vậy yêu cầu này sẽ gây khó khăn cho cơ sở khi thực hiện thủ tục hành chính. Việc Giảm thành phần hồ sơ nêu trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở nuôi trồng thủy sản.

8.2. Kiến nghị thực thi:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT tham mưu, trình Chính phủ Sửa đổi hoặc bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, theo Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ tại bộ thủ tục hành chính nêu trên: bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản” tại thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Đối với giảm số biểu mẫu trong mỗi bộ thủ tục hành chính

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa 03 thành phần/bộ hồ sơ, chi phí = 03 thành phần x 3000đ/ thành phần = 9.000 đ/bộ hồ sơ

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa 02 thành phần/ bộ hồ sơ, chi phí = 02 thành phần x 3000đ/ thành phần = 6.000đ/bộ hồ sơ. Giảm chi phí in ấn mẫu biểu hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm 01 tờ giấy A4/01 bộ hồ sơ = 3000đ/bộ hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: giảm 33,3% chi phí phô tô biểu mẫu/ bộ hồ sơ.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục vì ít mẫu biểu hơn và phù hợp với thực tế điều kiện người nuôi.

9. Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ tại bộ thủ tục hành chính đối với thủ tục cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản theo Quyết định số 299/QĐ-UBND.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá”

- Lý do: Giảm thành phần hồ sơ; những loại giấy tờ đã được Chi cục cấp trước đó thì không cần nộp lại. Chi cục có trách nhiệm tra cứu thông tin trên hệ thống lưu trữ.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Nông nghiệp và PTNT tham mưu, trình Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 45 và sửa đổi Mẫu đơn số 02.KT – Phụ lục IV – Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ tại bộ thủ tục hành chính nêu trên: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá” tại Thủ tục cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản theo Quyết định số 299/QĐ-UBND tỉnh sau khi Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 45 và sửa đổi Mẫu đơn số 02.KT – Phụ lục IV – Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản tại thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đối với giảm số biểu mẫu trong mỗi bộ thủ tục hành chính:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa 03 thành phần/bộ hồ sơ, chi phí = 03 thành phần x 3.000đ/ thành phần = 9.000 đ/bộ hồ sơ

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa 02 thành phần/ bộ hồ sơ, chi phí = 02 thành phần x 3.000đ/ thành phần = 6.000đ/bộ hồ sơ. Giảm chi phí in ấn mẫu biểu hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: tiết kiệm 01 tờ giấy A4/01 bộ hồ sơ = 3.000đ/bộ hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: giảm 33,3% chi phí phô tô biểu mẫu/ bộ hồ sơ.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục vì ít mẫu biểu hơn và phù hợp với điều kiện thực tế.

V. Lĩnh vực Lâm nghiệp

10. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 40 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 xuống còn 39 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ

trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 40 ngày (thời gian quy định) = 8.880.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân;

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 39 ngày = 8.658.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 8.880.000 - 8.658.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm: 3%

11. Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh).

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 15 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 xuống còn 14 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- UBND tỉnh xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) theo Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân;
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.330.000 - 3.108.000 = 222.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm: 7%.

VII. SỞ TÀI CHÍNH

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực quản lý công sản

1. Mua quyền hóa đơn

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính 1,5 ngày,,: Từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc.
- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Tài chính.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Điều 97 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa³:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 192.136 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021) x 05 ngày (thời gian quy định) = 960.680 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 192.136 đồng x 3,5 ngày = 672.476 đồng/1 hồ sơ.

³ Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người đạt 4,205,000 đồng/tháng. Như vậy, thu nhập bình quân đầu 1 người/1 ngày làm việc năm 2021 khoảng 192.136 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $960.680 - 672.476 = 288.204$ đồng/1 hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

VIII. SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1. Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc (giảm 02 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong 20 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng .

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 28 ngày làm việc (giảm 02 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính chia, tách, sáp, nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong 30 ngày là còn dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống 28 ngày làm việc

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 4, Điều 17, Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019 của Chính phủ

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng .
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

II. Lĩnh vực bảo trợ xã hội

3. Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật

3.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

3.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 220/QĐ-LĐTBXH ngày 27/02/2019 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

3.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

4. Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em

4.1 Nội dung đơn giản hóa: Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

4.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính tại Quyết định số 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016 về việc công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

4.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

5. Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em

5.1 Nội dung đơn giản hóa: Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

5.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016 về việc công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

5.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

III. Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội

6. Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 22 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc (giảm 04 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 22 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 22 ngày còn 18 ngày).

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 04 ngày công. 04 ngày x 250.000 đ = 1.000.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 04 ngày công 1.000.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 1.000.000 đồng .

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

7. Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị giảm thời gian giải quyết TTHC từ 17 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 03 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 17 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc

7.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 12, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 17 ngày còn 14 ngày).

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 03 ngày công. 03 ngày x 250.000 đ = 750.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công 750.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đồng .

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

8. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết Hồ sơ từ 14 ngày xuống còn 12 ngày;

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 14 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc.

8.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 11, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 14 ngày còn 12 ngày)

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

9. Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết Hồ sơ từ 14 ngày xuống còn 12 ngày;

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 14 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống 12 ngày làm việc.

9.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 13, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 14 ngày còn 12 ngày).

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công. 02 ngày x 250.000 đ = 500.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công 500.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14%.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

IV. Lĩnh vực Chính sách lao động

10. Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

10.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

10.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2017 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

10.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

11. Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

11.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

11.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

11.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

12. Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp

12.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

12.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

12.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

V. Lĩnh vực Lao động – Tiền lương và Quan hệ lao động

13. Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)

13.1 Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III).

- Lý do: Ba năm công ty mới nộp hồ sơ một lần, không thường xuyên phát sinh hồ sơ.

13.2 Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1255/QĐ-LĐTBXH ngày 11/8/2017 về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

13.3 Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

IX. SƠ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Thành lập và Hoạt động của doanh nghiệp

1. Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 xuống còn 02 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 110 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 24.420.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

2. Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 xuống còn 02 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 05 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 1.100.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

3. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 xuống còn 02 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có

thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 1.115 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 247.530.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

4. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 xuống còn 02 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 50 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 11.100.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

5. Giải thể doanh nghiệp (Chỉ áp dụng với thủ tục Thông báo quyết định giải thể)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 xuống còn 02 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Giải thể doanh nghiệp (Chỉ áp dụng với thủ tục Thông báo quyết định giải thể) tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Giải thể doanh nghiệp (Chỉ áp dụng với thủ tục Thông báo quyết định giải thể) tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 378 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 83.916.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

6. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Chỉ áp dụng với thủ tục Chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 xuống còn 02 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Chỉ áp dụng với thủ tục Chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh) tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Chỉ áp dụng với thủ tục Chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh) tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

- + Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng
 - + Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 322 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 71.484.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

II. Lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức

7. Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 20 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 xuống còn 19 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 20 ngày (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 19 ngày = 4.218.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 4.440.000 đồng - 4.218.000 đồng= 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 01 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 5%

8. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 20 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 xuống còn 19 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 20 ngày (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 19 ngày = 4.218.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 4.440.000 đồng - 4.218.000 đồng= 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 01 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 5%

9. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 20 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 xuống còn 19 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 20 ngày (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 19 ngày = 4.218.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 4.440.000 đồng - 4.218.000 đồng= 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 01 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 5%

III. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam

10. Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 15 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 xuống còn 14 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.330.000 đồng - 3.108.000 đồng= 222.000 đồng
- + Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 41 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 9.102.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 6,7%

11. Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 05 ngày làm việc theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 xuống còn 04 ngày làm việc.

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất Giảm thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- UBND tỉnh Đồng Nai xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021 x 05 ngày (thời gian quy định) = 1.110.000 đồng/01 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

- + Giảm thời gian giải quyết cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021 x 04 ngày = 880.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 1.110.000 đồng - 880.000 đồng = 222.000 đồng
- + Chi phí tiết kiệm năm 2021: 222.000 đồng x 01 hồ sơ (số hồ sơ nhận trong năm 2021) = 222.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 20%

X. SỞ XÂY DỰNG

A. CẤP TỈNH

1. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về thành phần hồ sơ
- Lý do: Khi xem xét cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài không quy định tiêu chí đánh giá đối với các nội dung trong bảng “Báo cáo các công việc/Dự án đã thực hiện trong 03 năm gần nhất” và kết quả kiểm toán 03 năm gần nhất của nhà thầu. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4) hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Thẩm quyền đơn giản hóa Bộ Xây dựng:

Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, bãi bỏ *thành phần hồ sơ tại Mục 9.3 (thành phần, số lượng hồ sơ), Thủ tục số 9- Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C; tại Mục B thuộc Phần II (Thủ tục hành chính cấp tỉnh)* ban hành tại *Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng*, cụ thể bãi bỏ 02 loại tài liệu trong thành phần hồ sơ nộp thực hiện TTHC:

- + Báo cáo các công việc/Dự án đã thực hiện trong 03 năm gần nhất.
- + Kết quả kiểm toán 03 năm gần nhất của nhà thầu.
- UBND tỉnh: Căn cứ các nội dung sau khi được Bộ Xây dựng sửa đổi tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 để sửa đổi Quyết định công bố TTHC số 3860/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 7.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 5.000.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.000.000 đồng/năm

2. Bổ nhiệm giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục.

- Lý do: Từ khi ban hành đến nay không có phát sinh hồ sơ.
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng; giám định tư pháp xây dựng; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thực hiện theo đường Công văn (Văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ)

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết, giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Chi phí tiết kiệm (Từ khi ban hành đến nay không phát sinh hồ sơ)

3. Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động

- Lý do: Từ khi ban hành đến nay không có phát sinh hồ sơ
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng; giám định tư pháp xây dựng; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thực hiện theo đường Công văn (Văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ)

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt

- Chi phí tiết kiệm (Không phát sinh hồ sơ)

4. Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin

- Lý do: Từ khi ban hành đến nay không có phát sinh hồ sơ
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng; giám định tư pháp xây dựng; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thực hiện theo đường Công văn (Văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ)

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Cắt giảm thủ tục hành chính giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt

- Chi phí tiết kiệm (Từ khi ban hành đến nay không phát sinh hồ sơ)

5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 05 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B xuống còn không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, tiết kiệm chi phí thực tế khi thực hiện các công trình, dự án.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

5.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 25 ngày (thời gian quy định) = 6.375.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $255.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ ngày} = 5.100.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.
- + Chi phí tiết kiệm: $6.375.000 \text{ đồng} - 5.100.000 \text{ đồng} = 1.275.000 \text{ đồng}$.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

6. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính:
- + Giảm 5 ngày Đối với công trình cấp II và cấp III.
- + Giảm 2 ngày Đối với các công trình còn lại.
- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.
- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng

6.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa:
- + Giảm 5 ngày Đối với công trình cấp II và cấp III.
- Chi phí tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $255.000 \text{ đồng} \text{ (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)} \times 5 \text{ ngày (thời gian quy định)} = 1.275.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.
- + Giảm 2 ngày đối với các công trình còn lại:
- Chi phí tiết kiệm thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $255.000 \text{ đồng} \text{ (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)} \times 2 \text{ ngày (thời gian quy định)} = 510.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

XI. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực văn hoá

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 02 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 15 ngày xuống còn không quá 13 ngày.
- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 02 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 13 ngày.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)⁴ x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.675.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Tổng cộng năm 2021: 3.675.000 đồng x 2 (hồ sơ phát sinh năm 2021)⁵ = 7.350.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 13 ngày = 3.185.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Tổng cộng năm 2021: 3.185.000 đồng x 2 = 6.370.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.675.000 – 3.185.000 = 490.000 đồng/1 hồ sơ.
 - + Chi phí tiết kiệm năm 2021: 490.000 đồng x 2 = 980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

2. Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 03 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ trong thời hạn 45 ngày làm việc xuống còn trong 42 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 03 ngày: Trong thời hạn 42 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)⁶ x 45 ngày (thời gian quy định) = 11.025.000 đồng/1 hồ sơ.

⁴ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021)

⁵ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2021 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://motcua.dongnai.gov.vn/>

⁶ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $245.000 \text{ đồng} \times 42 \text{ ngày} = 10.290.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm: Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh.

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $11.025.000 - 10.290.000 = 735.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

3. Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 03 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ trong thời hạn 15 ngày xuống còn 12 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 03 ngày: Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

c. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $245.000 \text{ đồng} (\text{thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021})^7 \times 15 \text{ ngày} (\text{thời gian quy định}) = 3.675.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $245.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} = 2.940.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm: Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm.

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $3.675.000 - 2.940.000 = 735.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

II. Lĩnh vực Thể dục Thể thao

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu.

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

⁷ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021)

4.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)⁸ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.715.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = 1.470.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.715.000 – 1.470.000 = 245.000 đồng/1 hồ sơ.
- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm

5. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục *điều chỉnh*: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.
- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)⁹ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.715.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = 1.470.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:

⁸ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021)

⁹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $1.715.000 - 1.470.000 = 245.000$ đồng/1 hồ sơ.

- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm

6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)¹⁰ x 7 ngày (thời gian quy định) = $1.715.000$ đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = $1.470.000$ đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $1.715.000 - 1.470.000 = 245.000$ đồng/1 hồ sơ.

- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm

7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

7.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

¹⁰ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)¹¹ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.715.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = 1.470.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.715.000 – 1.470.000 = 245.000 đồng/1 hồ sơ.
- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm.

8. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.
- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

8.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)¹² x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.715.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = 1.470.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
 - + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.715.000 – 1.470.000 = 245.000 đồng/1 hồ sơ.

¹¹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

¹² Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm.

9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

9.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)¹³ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.715.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = 1.470.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.715.000 – 1.470.000 = 245.000 đồng/1 hồ sơ.

- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm.

10. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

10.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

¹³ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)¹⁴ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.715.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = 1.470.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.715.000 – 1.470.000 = 245.000 đồng/1 hồ sơ.
- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm

11. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin

11.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 01 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 07 ngày xuống còn không quá 06 ngày.
- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

11.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 01 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 06 ngày.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021)¹⁵ x 7 ngày (thời gian quy định) = 1.715.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 6 ngày = 1.470.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.715.000 – 1.470.000 = 245.000 đồng/1 hồ sơ.
- Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh trong năm

¹⁴ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

¹⁵ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

III. Lĩnh vực Gia đình

12. Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình

12.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 02 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ 15 ngày xuống còn 13 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

12.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 02 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 13 ngày.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021)¹⁶ x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.675.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 13 ngày = 3.185.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.675.000 – 3.185.000 = 490.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

13. Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm 02 ngày, thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh: từ không quá 10 ngày xuống còn không quá 08 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

13.2. Kiến nghị thực thi: Giảm thời gian thực hiện 02 ngày “Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc qua đường bưu điện, qua mạng điện tử”, thời gian thực hiện 08 ngày.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

¹⁶ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2021)¹⁷ x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.675.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 13 ngày = 3.185.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm dựa trên số hồ sơ phát sinh

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.675.000 – 3.185.000 = 490.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

XII. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

1. Phê duyệt liên kết giáo dục

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ bản sao chứng thực (Chương trình giáo dục); Bỏ phần Văn bằng chứng chỉ (đối với cấp Mầm non).

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 40 xuống 37 ngày làm việc.

- Lý do: Việc yêu cầu nộp bản sao chứng thực gây phiền hà, tốn kém cho người dân, lãng phí cho xã hội, tạo áp lực, quá tải đối với cơ quan thực hiện công tác chứng thực. Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.859.200 đồng/hồ sơ

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.194.760 đồng/hồ sơ

+ Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ

+ Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 10 hồ sơ): 6.664.440đ

2. Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định

¹⁷ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành đạt khoảng 5,388 triệu đồng/tháng (theo Niên giám Thống kê năm 2021).

- Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước

Thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa rút ngắn thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc theo quy định xuống 12 ngày làm việc. Thực tế giải quyết thủ tục hành chính thấy có thể rút ngắn thêm 02 ngày làm việc.

2.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điểm d Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.657.760 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 6 hồ sơ): 3.986.640đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

3. Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông khác có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ bản sao chứng thực.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống 27 ngày làm việc
- Lý do:
 - + Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

+ Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước.

3.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.644.400 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.979.960 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 20 hồ sơ): 13.288.800đ

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

4. Sáp nhập, chia tách trường Trung học phổ thông

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc so với quy định

- Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

4.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điểm b, c Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 135/2018/ND-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.537.000 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.315.520 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 221.480 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 01 hồ sơ): 221.480 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%.

5. Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định

- Lý do: Thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc theo quy định xuống 18 ngày làm việc. Thực tế giải quyết thủ tục hành chính có thể rút ngắn thêm 02 ngày làm việc

5.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điểm c Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.429.600 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.986.640 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 2 hồ sơ): 885.920 đồng
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

6. Cho phép trung tâm ngoại ngữ- tin học hoạt động trở lại

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ "Bổ sung trang thiết bị làm việc"

- Thời gian làm việc: Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 15 xuống 12 ngày làm việc

- Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

6.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.657.760 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 10 hồ sơ): 6.644.400đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

7. Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 xuống 12 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

7.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.657.760 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 10 hồ sơ): 6.644.400đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

8. Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống còn 19 ngày làm việc

- Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước;

8.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điểm b, c Khoản 3 Điều 63 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.429.600 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.208.120 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 221.480 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 6 hồ sơ): 1.328.880đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

9. Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt trở lại

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ bản sao chứng thực.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 15 ngày làm việc
- Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước.

9.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điểm b, c Khoản 3 Điều 63 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.429.600 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 1.107.400 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 6 hồ sơ): 6.644.400đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

10. Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.

- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

10.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điểm b Khoản 3 Điều 108 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.657.760 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 30 hồ sơ): 19.933.200đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

11. Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

11.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

11.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.657.760 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 60 hồ sơ): 39.866.400đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

12. Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

12.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân không phải đi lại để giải quyết thủ tục hành chính nhiều lần, rút ngắn được chi phí thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước

12.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12.3 Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.187.400 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.027.400 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 160.000 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 30 hồ sơ): 4.800.000đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,5%.

13. Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp

13.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ bản sao chứng thực
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 8 ngày làm việc
- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

13.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.214.800 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.771.840 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 8 hồ sơ): 3.543.680đ
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

14. Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại

14.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc

- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

14.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.657.760 đồng/hồ sơ
- + Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ
- + Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 25 hồ sơ): 16.611.000đ

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

15. Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

15.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống 12 ngày làm việc

- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

15.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.322.200 đồng/hồ sơ

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.657.760 đồng/hồ sơ

+ Chi phí tiết kiệm: 664.440 đồng/hồ sơ

+ Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 30 hồ sơ): 19.933.200đ

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

16. Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp

16.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ bản sao chứng thực

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 8 ngày làm việc

- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

16.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.214.800 đồng/hồ sơ

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.771.840 đồng/hồ sơ

+ Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ

+ Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 20 hồ sơ): 8.859.200đ

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B. CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

1. Chuyển trường học sinh Trung học cơ sở

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa biểu mẫu hồ sơ: Bỏ phần Phòng Giáo dục - Đào tạo ký giấy giới thiệu chuyển trường.

1.2. Lý do: Giảm thời gian giải quyết TTHC

+ Các trường THCS đã ký giấy chuyển trường cho học sinh có đóng dấu đủ pháp lý, trường chuyển đến tiếp nhận học sinh căn cứ trên giấy giấy giới thiệu của trường cũ khi có đầy đủ hồ sơ không cần giấy giới thiệu của Phòng Giáo dục - Đào tạo.

+ Phụ huynh phải đi lại làm thủ tục mất thời gian.

1.3. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thông tư 50/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD-ĐT.

2. Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ các bản sao văn bằng chứng chỉ và thay bằng bản photo.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 18 ngày làm việc.

2.2. Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm tra hồ sơ.

2.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3. Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 18 ngày làm việc.

3.2. Lý do: Thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc theo quy định xuống 18 ngày làm việc. Thực tế giải quyết thủ tục hành chính thấy có thể rút ngắn thêm 03 ngày làm việc (giảm 16,66% thời gian).

3.3. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Giải thể trường trung học cơ sở

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định

- Lý do: Thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc theo quy định xuống 17 ngày làm việc. Thực tế giải quyết thủ tục hành chính thấy có thể rút thêm 02 ngày làm việc (giảm 11,76% thời gian).

4.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điểm c Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

5. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định

- Lý do: Thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc theo quy định xuống 17 ngày làm việc. Thực tế giải quyết thủ tục hành chính thấy có thể rút thêm 02 ngày làm việc (giảm 11,76% thời gian).

5.2. Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều b Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ

XIII. SỞ Y TẾ

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh

1. Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế

- Lý do: Trong hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đối với các hình thức tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã bao gồm danh mục kỹ thuật, khi cấp giấy phép hoạt động, Sở Y tế đã phê duyệt danh mục kỹ thuật kèm theo. Do vậy, không cần thiết phải tách thành một thủ tục độc lập mà ghép vào thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với các cơ sở.

Từ khi thủ tục được công bố, Sở Y tế chưa nhận được hồ sơ nào thực hiện riêng lẻ thủ tục phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống khám bệnh, chữa bệnh.

2. Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền Sở Y tế

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ “Sơ yếu lý lịch tự thuật”, thay thế bằng thẻ căn cước của công dân.

- Lý do: Hiện nay, thẻ căn cước của công dân được tích hợp có mã chip và mã QR có thể tra cứu được thông tin chi tiết của công dân, do đó, việc xác minh thêm sơ yếu lý lịch là không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi khoản 6 Điều 5 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 740.685.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 702.361.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 38.324.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,17 %

3. Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam do thu hồi theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ “Sơ yếu lý lịch tự thuật”, thay thế bằng thẻ căn cước của công dân.

- Lý do: Hiện nay, thẻ căn cước của công dân được tích hợp có mã chip và mã QR có thể tra cứu được thông tin chi tiết của công dân, do đó, việc xác minh thêm sơ yếu lý lịch là không cần thiết.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 6 Điều 5 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.010.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 958.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 52.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,12 %

II. Lĩnh vực Dược phẩm

1. Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay không có hồ sơ phát sinh.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

2. Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay không có hồ sơ phát sinh.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Chương IV Thông tư số 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

III. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng

1. Cấp Giấy Chứng Nhận Cơ Sở Đủ Điều Kiện An Toàn Thực Phẩm Đối Với Cơ Sở Sản Xuất Thực Phẩm, Kinh Doanh Dịch Vụ Ăn Uống Thuộc Thẩm Quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống 19 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, giúp các cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống sớm được cấp giấy chứng nhận để đi vào hoạt động.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm 01 ngày giải quyết hồ sơ.

IV. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ

1. Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ “Sơ yếu lý lịch tự thuật”, thay thế bằng thẻ căn cước của công dân.

- Lý do: Hiện nay, thẻ căn cước của công dân được tích hợp có mã chip và mã QR có thể tra cứu được thông tin chi tiết của công dân, do đó, việc xác minh thêm sơ yếu lý lịch là không cần thiết.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2014/TT-BYT ngày 15/01/2014 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 437.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 385.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 52.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,9 %

V. Lĩnh vực Y tế dự phòng

1. Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Sửa đổi thành phần hồ sơ “Bản sao của một trong những giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu, giấy phép lái xe” bằng căn cước công dân.

- Lý do: Hiện nay, thẻ căn cước của công dân được tích hợp có mã chip và mã QR có thể tra cứu được thông tin chi tiết của công dân, do đó, có thể thay thế căn cước công dân bằng các giấy tờ trên.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

2. Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đơn giản hóa biểu mẫu hồ sơ: Bỏ câu hỏi số 5 trong Giấy khai báo y tế hàng hải:

“5. Có được nhân viên y tế can thiệp không?/Was a medical practitioner consulted?

Có/Yes ☐ Không/No ☐

Nếu có, nêu chi tiết biện pháp điều trị hoặc tư vấn y tế kèm theo/If yes, state particulars of medical treatment or advice provided in attached schedule”.

- Lý do: Qua quá trình thực hiện thủ tục hành chính, đơn vị nhận thấy câu hỏi trên quá chi tiết và chưa phù hợp với thực tế vì phương tiện giao thông vận tải đường biển rất ít hoặc thường không có nhân viên y tế trên tàu.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Mẫu số 5 Giấy khai báo y tế hàng hải của Phụ lục ban hành Kèm theo Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

3. Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đề nghị sửa đổi yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực “Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vận chuyển bệnh nhân”.

- Lý do: Tiết kiệm thời gian đi lại và chi phí chứng thực cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ. Để xác thực bản sao thì công chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản gốc với bản sao là đủ.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 356.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 326.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 30.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,43 %.

XIV. SỞ NỘI VỤ

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

1. Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ là Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.

- Lý do: Nhằm giảm thành phần hồ sơ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và rút ngắn được thời gian giải quyết hồ sơ từ 30 ngày xuống 28 ngày làm việc.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thành phần hồ sơ đề nghị theo quy định tại Khoản 2, Điều 48 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28 ngày công x 250.000đ = 7.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%.

2. Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ là Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.

- Lý do: Nhằm giảm thành phần hồ sơ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và rút ngắn được thời gian giải quyết hồ sơ từ 30 ngày xuống 28 ngày làm việc.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thành phần hồ sơ đề nghị theo quy định tại Khoản 2, Điều 48 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28 ngày công x 250.000đ = 7.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%.

3. Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống 25 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.7%.

4. Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống 25 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Mục b Khoản 3 Điều 46 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.7%.

5. Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống 25 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Mục b Khoản 3 Điều 46 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.7%.

B. CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực Quản lý Nhà nước chuyên ngành

1. Công nhận Ban Vận động thành lập Hội

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ từ 02 bản chính xuống 01 bản chính.

- Lý do: tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức; đảm bảo tính tương đồng về số lượng thành phần hồ sơ giữa thủ tục đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội và thủ tục thành lập hội được quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3, điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 100.000 đồng/năm (05 hồ sơ, 20.000 đồng/hồ sơ).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.000 đồng/năm (05 hồ sơ, 10.000 đồng/hồ sơ).

- Chi phí tiết kiệm: 50.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

II. Lĩnh vực Quản lý Nhà nước về Hội

2. Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống 15 ngày làm việc, trừ trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính mà Hội hoạt động.

2.2. Lý do đơn giản hóa: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức; đảm bảo phù hợp theo quy định hiện hành tại khoản 4, Điều 2, Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000đ (10 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

III. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng

3. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 15 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

IV. Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

4. Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại điểm a, Khoản 3 Điều 45 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

5. Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại điểm a, Khoản 3 Điều 46 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

6. Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại điểm a, Khoản 3 Điều 46 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

C. CẤP XÃ

I. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng

1. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 15 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

2. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 15 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

3. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 10 ngày làm việc.
- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000đ (10 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

4. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 15 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

5. Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.
- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

XV. BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

I. Lĩnh vực Việc làm

1. Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ 10 ngày làm việc (theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định 152/2020/NĐ-CP) xuống còn 08 ngày làm việc.

Lý do: Hỗ trợ doanh nghiệp về mặt thời gian, tạo điều kiện cho doanh nghiệp sớm thực hiện các thủ tục tiếp theo.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2, Điều 4, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Rút ngắn thời gian nhận kết quả.
- Tạo điều kiện giúp doanh nghiệp nhanh chóng hoàn tất các thủ tục tiếp theo để người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
- Tăng tính chủ động của cơ quan quản lý, thực hiện đúng phương châm “Đồng hành cùng doanh nghiệp”.

II. Lĩnh vực Đầu tư

2. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư từ 15 ngày xuống 10 ngày.

- Lý do: Hỗ trợ doanh nghiệp về mặt thời gian, tạo điều kiện cho doanh nghiệp sớm thực hiện các thủ tục tiếp theo.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm a, Khoản 2, Điều 57 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Rút ngắn thời gian nhận kết quả.
- Tạo điều kiện giúp doanh nghiệp nhanh chóng hoàn tất các thủ tục tiếp theo khi chấm dứt hoạt động (như: thanh lý dự án, giải quyết các thủ tục liên quan đến Thuế, Hải quan...).
- Tạo điều kiện để sớm thu hút dự án đầu tư mới khi vị trí đất hoặc nhà xưởng nơi dự án cũ đã được chấm dứt, thanh lý hợp đồng thuê.

- Tăng tính chủ động của cơ quan quản lý, thực hiện đúng phương châm “Đồng hành cùng doanh nghiệp”.

XVI. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

A. CẤP TỈNH

1. Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021) x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.225.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 3 ngày = 735.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.225.000 – 735.000 = 490.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí trên 01 hồ sơ: 37.5%

2. Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2021) x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.225.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 245.000 đồng x 3 ngày = 735.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.225.000 – 735.000 = 490.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí trên 01 hồ sơ: 37.5%

3. Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ theo hướng bỏ quy định nộp " Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật của cấp có thẩm quyền về nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa".

- Lý do: Trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa thì người dân, doanh nghiệp chỉ cần cung cấp bản vẽ mặt bằng công trình, vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa làm cơ sở thẩm định, công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa, góp phần tiết kiệm cho người dân và doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.674.691 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.531.694 đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 1.147.994 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,9 %.

4. Thiết lập khu neo đậu

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ theo hướng bỏ quy định nộp "Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền".

- Lý do: Hiện nay, theo quy định của pháp luật về đầu tư, việc thiết lập khu neo đậu không yêu cầu thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, do vậy, kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ này nhằm tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động đầu tư, tránh bất cập trong việc xin chủ trương đầu tư.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 – 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.149.383 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.063.389 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 2.085.994 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40,51%./.